TAND HUYỆN P **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 24 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Lê Phương T, sinh năm 1986;

Đăng ký HKTT: Tổ 2, phường A, thành phố T, tỉnh T;

Nơi ở hiện nay: Số 53, ngõ 71, đường T, phường P, quận B, TP. H;

- Anh Hoàng Trung K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện P, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Phương T và anh Hoàng Trung K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh H vào ngày 03/12/2020 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K bình thường được vài tháng đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, do vợ chồng không có tình cảm với nhau nên sống rất lạnh nhạt, không có hạnh phúc, vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau. Do mâu thuẫn nên chị T và anh K đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T và anh K đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận. Xét đây là sự tự nguyện của chị T và anh K nên cần được chấp nhận.

[2]*Về con chung:* Chị Lê Phương T và anh Hoàng Trung K đều xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác:* Chị Lê Phương T và anh Hoàng Trung K đều xác định anh, chị không có gì, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án:* Chị Lê Phương T và anh Hoàng Trung K thỏa thuận thống nhất anh K tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Phương T và anh Hoàng Trung K tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Chị Lê Phương T và anh Hoàng Trung K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác:* Chị Lê Phương T và anh Hoàng Trung K đều xác định anh, chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Lê Phương T và anh Hoàng Trung K thỏa thuận anh K tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006057 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh Hoàng Trung K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS - TAND tỉnh H;
- UBND xã M (GCNKH số 32/2020)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền